

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
THANH THANH CONG – BIEN HOA
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Số/ No.: 54/2026/CV/TTCBH

Tây Ninh, ngày 01 tháng 03 năm 2026

V/v: Công bố thông tin về tình hình tài chính
Re: Periodic information disclosure on
financial status

Tay Ninh, 01 March 2026.

Kính gửi/ To: - **Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội/ The Hanoi Stock Exchange**

Người Sở Hữu Trái Phiếu/ Bondholder

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công Ty Cổ Phần Thành Thành Công - Biên Hòa gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

Pursuant to the provisions of Circular No. 76/2024/TT-BTC dated 06 November 2024 of the Ministry of Finance guiding the disclosure and reporting regime for the private placement and trading of corporate bonds in the domestic market and the offering of corporate bonds in the international market, Thanh Thanh Cong – Bien Hoa Joint Stock Company hereby submits its periodic disclosure of financial information as follows:

1. Thông tin doanh nghiệp/ Company information

- Tên doanh nghiệp: Công Ty Cổ Phần Thành Thành Công - Biên Hòa
Company name: Thanh Thanh Cong – Bien Hoa Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Enterprise Registration Certificate No:* 3900244389
- Ngày cấp/ *Date of issuance:* 15/07/1995
- Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh
Place of issuance: Department of Planning and Investment of Tay Ninh Province
- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Tân Lợi, xã Tân Phú, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Head office address: Tan Loi Hamlet, Tan Phu Commune, Tay Ninh Province, Vietnam
- Số điện thoại/ *Tel:* 02763757250 Số fax giao dịch/ *Transaction fax number:* 02763839834
- Địa chỉ thư điện tử/ *Email:*
- Loại hình doanh nghiệp/ *Business type:* Công ty đại chúng/ *Publicly listed company*
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính/ *Business line:* Sản xuất đường/ *Sugar production*
- Mã số thuế/ *Tax number:* 3900244389

2. Tình hình tài chính/ Financial status

- Kỳ báo cáo: 6 tháng (từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 31/12/2025)
Reporting period: 6 months (from July 01st, 2025 to December 31st, 2025)
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo (trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, các chỉ tiêu tài chính sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời ghi rõ nguồn báo cáo):
The basic financial indicators of the enterprise for the reporting period (in cases where the issuing enterprise is a parent company, the financial indicators shall be based on the consolidated financial statements, with the source of the report clearly specified)



Chỉ tiêu <i>Items</i>	Kỳ báo cáo (từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025) <i>Current Period</i> <i>(from July 1st, 2025 to</i> <i>December 31st, 2025)</i>	Kỳ trước (từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024) <i>Previous Period</i> <i>(from July 1st, 2024 to</i> <i>December 31st, 2024)</i>
1. Vốn chủ sở hữu/ <i>Equity</i> (đồng)	12.210.486.500.367	10.555.376.315.087
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ <i>Owner's equity</i>	8.767.239.220.000	7.621.123.260.000
- Thặng dư vốn cổ phần/ <i>Share premium</i>	6.770.104.566.476	6.770.104.566.476
- Vốn khác của chủ sở hữu/ <i>Other owner's equity</i>	(5.502.116.030.924)	(5.502.116.030.924)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái/ <i>Foreign exchange differences reserve</i>	-31.013.245.612	(95.475.087.526)
- Quỹ đầu tư phát triển/ <i>Investment and Development Fund</i>	67.054.931.893	67.054.931.893
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ <i>Undistributed profit after tax</i>	1.320.480.832.626	1.513.313.432.571
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát/ <i>Non-controlling interests</i>	818.736.225.908	181.294.231.221
- Nguồn kinh phí và quỹ khác/ <i>Subsidised fund</i>	0	77.011.376
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)	23.688.173.000.743	23.404.084.843.741
- Nợ vay ngân hàng/ <i>Bank borrowings</i>	15.270.768.608.457	14.872.453.457.311
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu/ <i>Bond borrowings</i>	2.864.966.978.184	1.887.067.786.320
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước/ <i>Publicly offered domestic bonds</i>	497.082.545.273	0
+ Trái phiếu chào bán ra riêng lẻ tại thị trường trong nước/ <i>Privately placed domestic bonds</i>	2.367.884.432.911	1.887.067.786.320
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế/ <i>Private placement bonds in the international market</i>	0	0
- Nợ phải trả khác/ <i>Other liabilities</i>	5.552.437.414.102	6.644.563.600.110

3. Cơ cấu vốn (lần)/ Capital structure ratios (times):		
- Hệ số nợ phải trả/ Tổng tài sản <i>Debt-to-Total-Assets Ratio</i>	0,66	0,69
- Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu <i>Debt-to-Equity Ratio</i>	1,94	2,22
4. Khả năng thanh toán (lần)/ Liquidity ratios (times)		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn) <i>Current ratio (current assets / current liabilities)</i>	1,23	1,17
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/ nợ ngắn hạn) <i>Quick ratio ((current assets – inventories) / current liabilities)</i>	1,06	0,99
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay) <i>Interest coverage ratio (earnings before interest and tax / interest expense)</i>	1,58	1,69
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/ vốn chủ sở hữu (lần): <i>Outstanding bonds/ Equity (times)</i>		
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/ vốn chủ sở hữu <i>Total corporate bond outstanding balance to equity ratio</i>	0,23	0,18
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/ vốn chủ sở hữu <i>Privately placed corporate bond outstanding balance to equity ratio</i>	0,19	0,18
6. Lợi nhuận/ Profit (đồng):		
- Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	405.104.395.112	542.186.757.084
- Lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính/ <i>Profit after tax for the financial year</i>	366.726.117.837	465.112.324.456

- Lỗ lũy kế (nếu có)/ <i>Accumulated losses (if any)</i>		0
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability ratios (%)</i>:		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản <i>Return on assets (ROA)</i>	1,02	1,37
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu <i>Return on equity (ROE)</i>	3,00	4,41
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán...) (nếu có) <i>Financial safety indicators and capital adequacy ratios as required by sector-specific regulations (for real estate businesses, credit institutions, securities companies, etc.) (if any)</i>	Không áp dụng	Không áp dụng

Ghi chú: * Kỳ trước là cùng kỳ 06 tháng của năm trước đối với kỳ báo cáo 06 tháng và cùng kỳ của năm trước đối với kỳ báo cáo năm.

* *The previous period refers to the same 6-month period of the preceding year for the 6-month reporting period, and the same period of the preceding year for the annual reporting period.*

** Số liệu về tình hình tài chính được tính toán từ báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét/báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện

** *Financial data is calculated based on the reviewed 6-month financial statements or the audited annual financial statements prepared by an eligible audit organization.*

*** Trường hợp trái phiếu/khoản vay bằng ngoại tệ thì sử dụng tỷ giá quy đổi tại thời điểm lập báo cáo, theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

*** *In the case of bonds/loans denominated in foreign currency, the conversion rate at the time of report preparation shall be used, based on the selling rate of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank).*

**** Đối với các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành có quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính, phải nêu rõ: loại hình doanh nghiệp, các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định tại pháp luật nào chuyên ngành, các chỉ tiêu theo báo cáo tài chính được kiểm toán là bao nhiêu và nêu rõ doanh nghiệp có đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật không.

For enterprises subject to sector-specific legal regulations on financial safety indicators, the following must be clearly stated: the type of enterprise, the financial safety indicators as prescribed in which specialized legal documents, the figures according to the audited financial statements, and whether the enterprise complies with the financial safety requirements as prescribed by law.

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét/báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện/ *Auditor's opinion on the reviewed 6-month financial statements/ the audited annual financial statements issued by an eligible audit organization:*

- Tổ chức kiểm toán: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam
Auditing firm: Ernst & Young Vietnam Limited

- Ý kiến của kiểm toán viên: Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của nhóm công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Auditor's opinion: Based on our review, we are not aware of any matter that causes us to believe that the accompanying interim consolidated financial statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the interim consolidated financial position of the Group as at 31 December 2025, and of the interim consolidated results of operations and interim consolidated cash flows of the Group for the six-month period then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and relevant legal regulations on the preparation and presentation of interim consolidated financial statements.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

We hereby commit to being fully responsible before the law for the content and accuracy of the information disclosed above./.

NGƯỜI LẬP BIỂU/

PREPARED BY

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)/

(Signature, Full Name, Position)



Nguyễn Thị Thanh Na

Chuyên viên Nghiệp vụ Ngân hàng/

Investment Banking Specialist

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/

LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)/

(Signature, Full Name, Seal)



Đặng Huỳnh Úc My

Chủ tịch Hội đồng quản trị/

Chairlady of the BOD

